

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17660 /BTC-KBNN

V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế

toán và quyết toán niên độ 2013

trên TABMIS

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2013

SỔ TÀI CHÍNH	
Số: 1158	
Ngày: 26/12	
Chuyên: P.Tính toán	

Kính gửi: Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Thực hiện quy định tại mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 210/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số 222/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2013; Thông tư số 107/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 hướng dẫn bổ sung một số điểm về quản lý, điều hành ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm; Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN; Công văn số 17927/BTC-KBNN ngày 26/12/2012 của Bộ Tài chính về triển khai quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN; Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSTW áp dụng cho TABMIS; Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSDP áp dụng cho TABMIS; Chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác thu và thực hiện tiết kiệm chi NSNN trong các tháng cuối năm 2013; Công văn số 15441/BTC-HCSN ngày 11/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn điều hành chi NSNN năm 2013; Công văn số 16169/BTC-ĐT ngày 21/11/2013 của Bộ Tài chính (Ban triển khai TABMIS) hướng dẫn thanh toán vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia; Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về công tác khóa sổ kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) niên độ 2013 trên TABMIS như sau:

I. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ và quyết toán 2013

1. Đối với cơ quan tài chính (CQTC)

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán trên TABMIS của các đơn vị dự toán thuộc trách nhiệm CQTC nhập vào TABMIS. Kiểm tra, đối chiếu số liệu chi NSNN bằng lệnh chi tiền đã nhập vào TABMIS, các khoản tạm vay, tạm ứng chưa đưa vào cân đối; cân đối nguồn vốn ngân sách các cấp để chủ động xử lý. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước (KBNN) và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, đối chiếu và điều chỉnh số liệu (nếu có), đảm bảo số liệu khớp đúng trước khi khóa sổ kế toán tháng 12/2013.

- Đối chiếu số liệu ghi thu, ghi chi NSTW có liên quan đến NSDP: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại chịu trách nhiệm đối chiếu với Sở tài chính các tỉnh, thành phố đảm bảo khớp đúng. Đồng thời Sở tài chính phối hợp với KBNN đồng cấp đảm bảo hạch toán đầy đủ các Lệnh ghi thu ghi chi năm 2013.

- Đối với dự toán chi chuyển giao NSTW cho NSDP: Vụ NSNN chịu trách nhiệm đối chiếu số liệu đã hạch toán trên hệ thống TABMIS (Báo cáo B5-05) và quyết định giao dự toán (bản giấy) đảm bảo chính xác.

- Sau khi khóa sổ kế toán tháng 12, CQTC các cấp thực hiện đối chiếu dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị cấp 1, 2, 3 thuộc ngân sách TW, tỉnh, huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS. Phối hợp với KBNN đồng cấp rà soát, đối chiếu, điều chỉnh số dư tạm ứng, ứng trước dự toán ngân sách của các cấp ngân sách tương ứng chi tiết theo từng nguồn đầu tư, thường xuyên, chuyển giao, khác,... đã phân bổ đến cấp 4. Đảm bảo số liệu khớp đúng giữa sổ hạch toán trên hệ thống TABMIS với sổ theo dõi của CQTC.

Chịu trách nhiệm về số liệu dự toán ngân sách do CQTC nhập vào TABMIS và phối hợp với KBNN đồng cấp rà soát, đối chiếu, điều chỉnh (nếu có) dự toán cấp 4 thuộc ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo số liệu khớp đúng để thực hiện chuyển nguồn ngân sách trên chương trình TABMIS.

2. Đối với các đơn vị KBNN

- Thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu của tất cả các phần hành kế toán, việc hạch toán theo mục lục NSNN, điều tiết thu NSNN,... Kiểm tra, rà soát toàn bộ số liệu hạch toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013; kịp thời phát hiện các sai sót, thực hiện điều chỉnh vào ngày hiện tại đảm bảo số liệu chính xác khớp đúng theo từng nghiệp vụ, từng tài khoản có liên quan.

- Có văn bản đôn đốc, gửi các đơn vị liên quan đề nghị xử lý số dư tài khoản tạm thu, tạm giữ trước khi khóa sổ kế toán tháng 12/2013.

- Phối hợp và đôn đốc các đơn vị sử dụng ngân sách rà soát, đối chiếu lại số dự toán kinh phí thường xuyên được giao trong năm, trong đó lưu ý kiểm tra số liệu dự toán NSTW của các đơn vị thực hiện đồng bộ hóa về bộ sổ tỉnh; kiểm tra, rà soát số liệu dự toán NSTW thuộc trách nhiệm của KBNN nhập, đảm bảo

số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị: Kiểm tra số dư dự toán năm 2012 chuyển sang năm 2013, số dự toán nhập đầu năm 2013; kịp thời phát hiện các sai sót, trùng lặp (nếu có) thực hiện điều chỉnh đảm bảo số liệu chính xác. Rà soát số liệu dự toán tạm cấp đầu năm, đảm bảo đã xử lý hết số dư dự toán tạm cấp theo quy định.

Tuyệt đối không thực hiện nhập dự toán cho các đơn vị không thuộc trách nhiệm của KBNN khi không có văn bản hướng dẫn.

- Kiểm tra việc hạch toán đồng thời trên hệ thống phụ đối với chi an ninh, quốc phòng (nếu có), đảm bảo số liệu hạch toán trên TABMIS và hệ thống phụ khớp đúng.

- Kiểm tra, rà soát số liệu trên chương trình TCS: Các giao dịch, số liệu phát sinh được xử lý và hạch toán đúng theo quy định, đảm bảo an toàn tiền, tài sản. Trong đó, đặc biệt lưu ý rà soát, kiểm tra việc thực hiện đầy đủ các quy định về xử lý biên lai, giấy nộp tiền vào NSNN bị hủy; các giao dịch nhận từ Ngân hàng và dữ liệu truyền sang cơ quan thu, đối chiếu với cơ quan ra quyết định xử phạt... được đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định.

- Đối chiếu đảm bảo số dư TK 5511 - Cân đối thu chi phải bằng chênh lệch giữa số dư TK thực thu - thực chi NSNN năm trước (2012) theo từng cấp ngân sách, riêng đối với NS xã phải đảm bảo số dư TK 5511 của từng xã phải bằng chênh lệch thực thu - thực chi của xã đó trước khi thực hiện tất toán số liệu 2012, trường hợp có sai lệch phải kiểm tra và tìm nguyên nhân để kịp thời xử lý.

- Thực hiện đối chiếu số liệu với các cơ quan, đơn vị liên quan (CQTC, cơ quan thu, các đơn vị giao dịch, khách hàng, ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản...) kịp thời phát hiện các sai sót để thống nhất điều chỉnh (nếu có) trước khi khoá sổ kế toán tháng 12/2013. Đặc biệt đối với các đơn vị đã triển khai TTSPĐT với NHTM, cần rà soát đầy đủ mọi số liệu trên sổ chi tiết tài khoản tiền gửi thanh toán của KBNN tại NHTM và tại KBNN, đảm bảo chính xác, an toàn tiền, tài sản.

- Sau khi khoá sổ kế toán tháng 12/2013 và tháng 01/2014, các đơn vị KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán 2013, đảm bảo khớp đúng giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp, đặc biệt là số liệu chi đầu tư XD CB, đối chiếu giữa các báo cáo với nhau. Thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu cho các đơn vị có liên quan:

- + Kiểm tra, đối chiếu số liệu thu, chi NSNN với cơ quan thu, cơ quan Tài chính; đối chiếu số liệu sử dụng dự toán với đơn vị sử dụng ngân sách.

- + Thực hiện đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư XD CB giữa bộ phận

Kế toán và Kiểm soát chi, kịp thời phát hiện sai sót để điều chỉnh đảm bảo số liệu chính xác khớp đúng. KBNN (bộ phận kiểm soát chi) xác nhận tình hình sử dụng vốn đầu tư tại KBNN cho chủ đầu tư (theo biểu số 04/ĐVDT đính kèm)

+ Kiểm tra, đối chiếu số liệu TK tiền gửi với đơn vị sử dụng NSNN đảm bảo khớp đúng, chính xác (Biểu số 05/ĐC-TGKB đính kèm).

+ Đối chiếu xác nhận số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng với ngân hàng nơi KBNN mở TK (mẫu 06A/ĐC-TGNH đính kèm). KBNN tỉnh tổng hợp báo cáo số liệu TK tiền gửi ngân hàng (mẫu 06B/TH-TGNH đính kèm) lưu vào hồ sơ quyết toán năm.

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát chi trên cơ sở phương án tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2013 theo hướng dẫn tại công văn số 6684/BTC-NSNN ngày 27/5/2013 và thực hiện tiết kiệm chi theo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2013 tại công văn số 12067/BTC-HCSN ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính, được hướng dẫn bổ sung tại công văn số 15441/BTC-HCSN ngày 11/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Phối hợp với CQTC xử lý các khoản tạm vay, tạm ứng chưa đưa vào cân đối NSNN.

- Cuối ngày 31/12/2013 Hội đồng kiểm kê và các cán bộ liên quan thực hiện kiểm kê tiền mặt, giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý trong kho theo đúng quy định tại công văn số 1745/KBNN-KQ ngày 29/9/2009 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý.

- Đảm bảo một số tài khoản tại thời điểm cuối ngày 31/12 không còn số dư, bao gồm: các tài khoản 1151, 1371, 3121, 3921, 3935, 3952, 3953, 3961, 3981, 5431, 5432.

- Thực hiện đối chiếu số liệu các TK thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN (theo biểu 08A,B/ĐC-QTV đính kèm) gửi về KBNN cấp trên, riêng biểu 08A/ĐC-QTV gửi về KBNN trước 15/3/2014.

- Các KBNN cấp huyện tham gia Thanh toán song phương điện tử (TTSPĐT) thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu số liệu quyết toán TTSPĐT và tất toán tài khoản thu hộ chi hộ TTSPĐT theo Mẫu số 07/ĐC-TTSPĐT đính kèm. KBNN huyện gửi về KBNN tỉnh trước 05/01/2014, KBNN tỉnh kiểm tra, tổng hợp toàn địa bàn và gửi về KBNN trước ngày 10/01/2014.

II. Một số nội dung về công tác khóa sổ và quyết toán ngân sách nhà nước năm 2013

1. Chuyển số dư sang đầu năm sau trên TABMIS

- Thời điểm hết ngày 31/12/2013, các đơn vị KBNN thực hiện chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách” cho từng cấp ngân

sách, số chênh lệch thu, chi của từng cấp ngân sách được phản ánh trên TK 5511 - Cân đối thu chi. Sau khi chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách”, hệ thống tự động xác định chênh lệch thu chi và hạch toán bút toán cân đối thu chi.

- Sau ngày 31/12/2013, các tài khoản hệ thống tự động chuyển số dư sang ngày 01/01/2014, cụ thể như sau:

+ Số dư của các tài khoản loại 1, loại 2, loại 3 sẽ được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng.

+ Số dư của tài khoản loại 7, loại 8, loại 9 (trừ tài khoản dự toán) không được chuyển sang năm sau sẽ bằng 0 vào đầu năm sau. Số dư của tài khoản 5511 - Cân đối thu chi sẽ được chuyển sang năm sau.

+ Số dư của các tài khoản loại 9 là tài khoản dự toán được chuyển năm sau, sau khi thực hiện chương trình chuyển nguồn.

- Tổ chức đối chiếu đảm bảo khớp đúng theo từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có cuối ngày 31/12 với từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có đầu ngày 01/01 năm sau; nếu chênh lệch phải tìm rõ nguyên nhân để xử lý. Đặc biệt lưu ý số dư của TK 5511 phải bằng đúng với chênh lệch thực thu, thực chi của năm 2013 theo từng cấp ngân sách.

2. Nguyên tắc khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm 2013

2.1. Thời gian khóa sổ kế toán

2.1.1. Thời gian khóa sổ kế toán năm 2013 được thực hiện vào cuối giờ làm việc ngày 31/12/2013.

2.1.2. Khóa sổ thanh toán tại các đơn vị KBNN

a. Thanh toán giữa KBNN và Ngân hàng:

Thời gian kết thúc phiên thanh toán cuối cùng (thanh toán bù trừ, thanh toán bù trừ điện tử, thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng) do Ngân hàng nhà nước tỉnh quy định hoặc các đơn vị KBNN và ngân hàng thương mại thống nhất, song phải đảm bảo các chứng từ báo Nợ, báo Có nhận và chuyển đi ngân hàng được hạch toán đầy đủ, kịp thời.

Đối với các đơn vị KBNN cấp huyện đã triển khai thanh toán song phương điện tử, các giao dịch thanh toán song phương phải được truyền nhận và xử lý kịp thời. Giờ “cut off time” là 19h30, giờ đối chiếu giữa KBNN và NHTM là 20h; đảm bảo công tác quyết toán thanh toán song phương điện tử tại NHTM và KBNN, quyết toán thu hộ chi hộ thanh toán song phương điện tử tại KBNN cấp huyện thực hiện đầy đủ, chính xác ngay trong ngày 31/12/2013. Đối

chiếu số liệu trên sổ chi tiết với NHTM; kiểm tra, rà soát và xử lý kịp thời các chênh lệch, sai lầm, các khoản chờ xử lý (nếu có) trên các tài khoản liên quan.

Trường hợp có quy định khác về thời gian giao dịch ngày 31/12/2013 và những ngày cuối năm, KBNN sẽ có thông báo sau.

Hết ngày 31/12/2013, số dư tài khoản thu hộ chi hộ thanh toán song phương điện tử tại các đơn vị KBNN cấp Huyện phải chuyển hết về SGD KBNN qua TTLKB theo quy định, đảm bảo số dư bằng không (0) sau khi chuyển LKB.

Tại SGD KBNN, cuối ngày 31/12/2013, số dư tài khoản này sau khi quyết toán toàn hệ thống sẽ bằng 0.

b. Khóa sổ thanh toán điện tử

- Thời gian kết thúc việc chuyển tiền đi ngoại tỉnh của Trung tâm thanh toán tỉnh là 21h30 ngày 31/12/2013.

- Thời gian thực hiện công tác đối chiếu ngoại tỉnh giữa Trung tâm thanh toán toàn quốc và các Trung tâm thanh toán tỉnh là 22h ngày 31/12/2013. Các đơn vị KBNN cần lưu ý giờ đối chiếu giữa Trung tâm thanh toán toàn quốc và Trung tâm thanh toán tỉnh để đảm bảo các lệnh thanh toán đi trước và trong ngày 31/12/2013 sẽ được chuyển hết đến Kho bạc B trong ngày 31/12/2013.

- Thời gian truyền, nhận các Lệnh thanh toán nội tỉnh do các Trung tâm thanh toán tỉnh quyết định, song phải đáp ứng được công tác truyền tin, đối chiếu nội tỉnh và khóa sổ kế toán theo quy định chung của hệ thống.

- Các lệnh thanh toán đến chờ xử lý của năm 2013 phải được xử lý dứt điểm, kịp thời.

- Cuối ngày 31/12/2013, các KBNN kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu kế toán, thanh toán LKB đi, đến và báo kết quả đối chiếu về KBNN (theo địa chỉ email Phongthanhtoandientukbtw@vst.gov.vn):

+ Tại các đơn vị KBNN đối chiếu tổng số Lệnh thanh toán đi và đến với tài khoản liên kho bạc đi (TK 3851, 3861) và tài khoản liên kho bạc đến (TK 3854, 3864).

+ Tại các trung tâm thanh toán tỉnh, tài khoản liên kho bạc đi nội tỉnh (TK 3851) phải bằng tài khoản liên kho bạc nội tỉnh đến (TK 3854) trên toàn địa bàn.

+ Tại trung tâm thanh toán toàn quốc, tài khoản liên kho bạc đi ngoại tỉnh phải bằng tài khoản liên kho bạc đến ngoại tỉnh trên toàn quốc.

- Thời gian bắt đầu ngày thanh toán điện tử là 8h00 ngày 02/01/2014.

2.2. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi ngân sách

✓ - Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (bao gồm cả chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên) đối với nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31/12/2013. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách đến KBNN nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30/12/2013. Không thực hiện tạm ứng ngân sách năm 2013 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) trong thời gian chỉnh lý quyết toán (trừ việc tạm ứng vốn đền bù giải phóng mặt bằng được thực hiện đến hết ngày 31/01/2014, theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính).

Trường hợp các khoản chi NSNN đã có khối lượng, công việc thực hiện đến hết ngày 31/12/2013 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), thì thời hạn chi ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01/2014; thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng) theo chế độ quy định đến KBNN giao dịch chậm nhất đến hết ngày 24/01/2014. Thời hạn chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới được thực hiện đến hết ngày 27/01/2014.

✓ - Đề nghị cam kết chi từ dự toán giao trong năm của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30/12/2013.

2.3. Xử lý số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách tại KBNN

2.3.1. Đối với số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ủy quyền

Nếu đến hết ngày 31/12/2013 vẫn còn số dư chưa sử dụng hết, KBNN các cấp phải chuyển trả cho ngân sách cấp ủy quyền và hạch toán giảm chi ngân sách năm trước của ngân sách cấp ủy quyền, trừ trường hợp được phép chuyển sang năm sau theo chế độ quy định.

2.3.2. Đối với số dư tài khoản tiền gửi thuộc Quỹ bảo trì đường bộ

Đến ngày 31/12, số dư tài khoản tiền gửi thuộc Quỹ bảo trì đường bộ TW và Quỹ bảo trì đường bộ địa phương được chuyển sang năm sau sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ.

2.3.3. Đối với số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách tại KBNN

Đến hết ngày 31/12/2013 số dư tài khoản tiền gửi đơn vị sử dụng ngân sách thuộc kinh phí ngân sách năm 2013 được thực hiện theo quy định tại phần I

Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm.

Phương pháp hạch toán thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN. Trường hợp số dư TK tiền gửi được chuyển năm sau thuộc kinh phí không phải xét chuyển thực hiện đối chiếu với KBNN theo Biểu số 01/ĐVDT đính kèm, KBNN thực hiện tổng hợp số liệu theo biểu 09/BC-TGDT làm căn cứ hạch toán giảm chi theo quy định hoặc gửi về KBNN cấp trên nếu là nộp giảm ngân sách cấp trên.

Lưu ý:

Đối với trường hợp số dư tài khoản tiền gửi phải nộp trả NSNN cấp trên nhưng chưa xác định được nội dung, chi tiết mục lục NSNN để ghi giảm chi thì kế toán KBNN hạch toán vào TK 3591 - Các khoản tạm thu khác, sau đó:

- Đối với NS tỉnh: KBNN tỉnh tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên tài khoản 3591 "Các khoản tạm thu khác" kèm theo chứng từ gửi Sở Tài chính để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính về chi tiết mục lục NSNN, kế toán hạch toán giảm chi Ngân sách tỉnh.

- Đối với NSTW: Sở Giao dịch KBNN tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên tài khoản 3591 "Các khoản tạm thu khác" kèm theo chứng từ gửi Vụ NSNN (Bộ Tài chính) để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của Vụ NSNN (chi tiết Mục lục NSNN), kế toán thực hiện hạch toán giảm chi NSTW.

2.4. Xử lý số dư tạm ứng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách

2.4.1. Số dư tạm ứng từ dự toán giao trong năm

Thực hiện theo quy định tại điểm 5 phần I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm và hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

Sau thời điểm 15/3/2014 các trường hợp không được phê duyệt bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển số dư tạm ứng sang năm 2014, KBNN tiếp tục thực hiện chuyển số dư tạm ứng sang năm sau và trừ vào dự toán năm sau của đơn vị. Đối với trường hợp năm 2014 đơn vị không được bố trí loại dự toán tương ứng hoặc ít hơn số phải thu hồi, KBNN tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp phối hợp xử lý.

2.4.2. Số dư tạm ứng trên các tài khoản tạm ứng không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN đồng cấp về số dư các tài khoản tạm ứng chi ngân sách không kiểm soát dự toán năm 2013

đến hết ngày 31/01/2014, căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC về việc chuyển số dư tạm ứng không kiểm soát dự toán sang năm sau tiếp tục theo dõi và thu hồi, kế toán KBNN ghi:

Tại kỳ tháng 13 năm 2013, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

Có TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Tại kỳ hiện tại 2014, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Có TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

2.5. Xử lý số dư ứng trước (bao gồm cả kinh phí thường xuyên và đầu tư) của đơn vị sử dụng ngân sách

Thời điểm hết ngày 31/12/2013, số dư trên các tài khoản ứng trước dự toán của các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách năm sau, được chuyển sang tài khoản tài khoản ứng trước dự toán năm 2014 theo dõi tiếp. KBNN các cấp thực hiện chuyển số dư ứng trước sang năm sau theo quy định.

Khi có dự toán chính thức, KBNN thực hiện chuyển sang TK tạm ứng hoặc thực chi và hủy dự toán ứng trước tương ứng.

2.5.1. Đối với số ứng trước theo dự toán

KBNN các cấp thực hiện các bước chuyển số dư sang năm sau trên hệ thống TABMIS theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

2.5.2. Đối với số dư ứng trước trên các tài khoản không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN, Kế toán KBNN căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC, ghi:

Tại kỳ tháng 13 năm 2013, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1698, 1837, 1898, 1999

Có TK 1598, 1737, 1798, 1989

Tại kỳ tháng 01/2014, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1598, 1737, 1798, 1989

Có TK 1698, 1837, 1898, 1999

2.6. Xử lý số dư cam kết chi tại KBNN các cấp

2.6.1. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước

Các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước, số dư chưa thanh toán của các khoản cam kết chi đến hết 31/12/2013 được chuyển sang năm sau để thanh toán tiếp đến hết ngày 31/01/2014 và thực hiện như sau:

- Thời điểm 31/12

Hết ngày 31/12/2013, KBNN thực hiện chương trình chuyển nguồn số dư cam kết chi và dự toán ứng trước tương ứng sẽ được chuyển sang năm sau (theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN).

- Thời điểm 31/01

Hết ngày 31/01/2014, số dư cam kết chi từ dự toán ứng trước chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho kéo dài.

Đến hết ngày 15/3/2014, căn cứ kết quả đối chiếu số dư cam kết chi từ dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện huỷ bỏ, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán.

2.6.2. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán chi được giao trong năm

Về nguyên tắc các khoản đã cam kết chi thuộc năm ngân sách nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó, thời hạn thanh toán đối với các khoản đã cam kết chi phù hợp với thời hạn chi quy định đối với các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Sau ngày 31/12/2013, số dư cam kết chi còn lại được tiếp tục thanh toán đến hết ngày 31/01/2014 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2013.

- Đến hết ngày 31/01/2014, số cam kết chi chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết phải bị huỷ bỏ, trừ các trường hợp sau:

- + Đối với số dư dự toán được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (cơ quan nhà nước có thẩm quyền không phải xét chuyển): KBNN thực hiện chuyển dự toán cùng với chuyển cam kết chi của đơn vị sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

- + Đối với số dư dự toán được phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách Trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc thủ trưởng CQTC được ủy quyền (đối với ngân sách địa phương): Căn cứ quyết định cho phép chuyển số dư dự toán sang năm sau chi tiếp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, KBNN thực hiện chuyển cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

Việc thực hiện chuyển cam kết chi sang năm sau theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại Chương XIV Công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

2.7. Xử lý số dư dự toán (bao gồm kinh phí thường xuyên, kinh phí đầu tư, kinh phí ủy quyền)

2.7.1. Trách nhiệm xử lý số dư dự toán cấp 0, 1, 2, 3 trên TABMIS

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSTW trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính.

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSDP trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính.

2.7.2. Xử lý số dư dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách (dự toán cấp 4) tại KBNN

a. Dự toán giao trong năm

- Dự toán ngân sách giao cho đơn vị chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết sau ngày 31/12/2013 được để tiếp tục thanh toán hết ngày 31/01/2014 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2013 và hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2013.

- Số dư dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách đến hết ngày 31/01/2014 bị hủy bỏ, trừ các trường hợp được xem xét xét chuyển và đương nhiên được chuyển quy định tại Tiết a, b Điểm 3, Mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm. Trong đó lưu ý:

+ Rà soát hủy bỏ dự toán đối với trường hợp thực hiện cắt giảm, thu hồi theo công văn số 15441/BTC-HCSN ngày 11/11/2013 của Bộ Tài chính.

+ Đối với kinh phí tiết kiệm dự toán chi thường xuyên của 7 tháng cuối năm 2013 theo công văn số 6684/BTC-NSNN ngày 27/5/2013 của Bộ Tài chính đang được quản lý trên TK 9632, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

+ Dự toán chi đầu tư XD CB thực hiện theo công văn số 2665/KBNN-KSC ngày 06/12/2013 của KBNN về kiểm soát chi NSNN cuối năm 2013 và đầu năm 2014.

+ Số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành lao động thương binh và xã hội quản lý (quy định tại Thông tư số 47/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 11 tháng 3 năm 2009) hết ngày 31/01/2014 bị huỷ bỏ.

Đối với các khoản kinh phí bị huỷ bỏ, sau khi đối chiếu khớp đúng với đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN nơi giao dịch thực hiện huỷ bỏ trên hệ thống theo quy định.

- Đối với các khoản kinh phí được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (quy định tại Tiết b Điểm 3, Mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm), đến hết ngày 31/01/2014, các đơn vị KBNN thực hiện đối chiếu và xác nhận số dư dự toán còn lại đến hết ngày 31/01/2014 (Biểu số 03/DVDT). Căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán, KBNN nơi giao dịch có trách nhiệm lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách (cho cả 4 cấp NS) sang năm 2014 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

- Đối với số dư dự toán, dự tạm ứng kinh phí đề nghị xét chuyển sang năm sau: Đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền có xác nhận của KBNN (Biểu số 02A,B/DVDT đính kèm).

- Số dư dự toán còn lại: Cuối ngày 15/3/2014 các đơn vị KBNN thực hiện huỷ bỏ toàn bộ tại kỳ 13/2013.

b. Dự toán ứng trước

(1) Thời điểm 31/12

- Đến hết ngày 31/12/2013, căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện chương trình chuyển nguồn dự toán ứng trước trên hệ thống TABMIS theo quy định.

(2) Thời điểm 31/01

Hết ngày 31/01/2014, số dư toán ứng trước đã giao cho các dự án chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho kéo dài. Các trường hợp thuộc diện được xem xét, quyết định cho kéo dài sang năm sau theo quy định tại điểm a, mục 3, khoản I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đến hết ngày 15/3/2014, căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện huỷ bỏ dự

toán theo quy định, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán.

3. Một số nội dung nghiệp vụ khác thực hiện tại KBNN

3.1. Về thực hiện chi chuyển nguồn

- Chứng từ làm căn cứ hạch toán chi chuyển nguồn thực hiện theo quy định tại mục II, chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN, được lập trên cơ sở các tài liệu sau:

+ Tình hình thực hiện dự toán kinh phí thường xuyên được chuyển sang năm sau niên độ 2013 - Biểu số 03A/ĐVDT đối với chi thường xuyên, Biểu số 03B/ĐVDT đối với chi đầu tư XD CB (đối với khoản kinh phí thường xuyên được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định, không phải xét chuyển).

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền (đối với kinh phí phải xét chuyển).

- Sau khi đối chiếu, xác nhận số liệu chuyển nguồn giữa các đơn vị có liên quan, trách nhiệm xử lý các quy trình chuyển nguồn cuối năm trên hệ thống TABMIS (đối với số dư dự toán, tạm ứng, ứng trước, số dư CKC) do Phòng (bộ phận) kế toán thực hiện.

Trường hợp Phòng (bộ phận) kiểm soát chi đảm bảo thực hiện việc xử lý chuyển nguồn đối với các khoản chuyển nguồn thuộc kinh phí chi đầu tư thì Thủ trưởng đơn vị có thể giao nhiệm vụ cho Phòng (bộ phận) kiểm soát chi thực hiện chuyển nguồn đối với kinh phí chi đầu tư. Sau khi thực hiện các bước chuyển nguồn theo quy định, phải đối chiếu số liệu đảm bảo chính xác và khớp đúng.

- Toàn bộ chứng từ làm căn cứ hạch toán chi chuyển nguồn và các tài liệu kèm theo được lưu trong tập chứng từ kế toán ngày; Trường hợp Phòng (bộ phận) kiểm soát chi thực hiện việc xử lý chuyển nguồn đối với các khoản chuyển nguồn thuộc kinh phí chi đầu tư thì được sắp xếp, đánh số, đóng lưu theo liệt kê chứng từ ngày như chứng từ kế toán và lưu tại Phòng (bộ phận) kiểm soát chi của các đơn vị KBNN.

3.2. Một số nội dung khác

- Các đơn vị KBNN nghiêm túc thực hiện việc lập và truyền điện báo, báo cáo nhanh hàng ngày về KBNN cấp trên theo quy định. Trường hợp vì lý do khách quan không điện báo liên tục được 2 đến 3 ngày thì cần có thuyết minh về KBNN (Vụ KTNN) và cộng dồn số liệu vào ngày điện báo tiếp theo để đảm bảo tính logic, đầy đủ của số liệu điện báo.

- Hết ngày 31/12/2013 số dư các tài khoản Thanh toán vốn và tài khoản Thanh toán liên kho bạc (thuộc nhóm tài khoản 3800) được chuyển sang năm sau, khi mở sổ đầu năm cần thực hiện điều chỉnh toàn bộ số dư đầu năm của tài khoản năm nay (số dư cuối kỳ năm trước chuyển sang) thành số dư đầu năm của tài khoản năm trước theo quy định.

- Lưu ý xử lý kịp thời số dư các tài khoản tạm ứng, ứng trước trung gian sau khi chuyển tạm ứng, ứng trước sang năm sau, tránh tình trạng để số dư kéo dài trên các tài khoản này.

- Để đảm bảo tính đồng bộ về số liệu giữa KBNN các cấp, các KBNN tỉnh, thành phố chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc điều chỉnh số liệu quá khứ theo quy định tại các văn bản hiện hành. Trường hợp đặc biệt, số liệu kế toán của kỳ kế toán đã đóng nhưng cần phải điều chỉnh số liệu vào đúng kỳ đã báo cáo, các KBNN tỉnh, thành phố phải báo cáo bằng văn bản về KBNN và phải được sự chấp thuận của KBNN trước khi thực hiện điều chỉnh.

4. Danh mục báo cáo quyết toán

CQTC và KBNN các cấp thực hiện lập, gửi báo cáo quyết toán năm theo quy định Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 và các biểu báo cáo theo Phụ lục đính kèm công văn này.

III. Tổ chức thực hiện

Trong công tác rà soát đối chiếu số liệu, các đơn vị lưu ý thực hiện nghiêm các nội dung sau:

- Rà soát và có văn bản đơn đốc xử lý kịp thời số dư tài khoản tạm thu, tạm giữ đến chủ tài khoản.

- Rà soát tài khoản phải thu, phải trả, đảm bảo tính đúng đắn của từng món phải thu, phải trả đã hạch toán vào tài khoản, xử lý số dư kịp thời.

- Rà soát tỷ lệ điều tiết đã thực hiện, đảm bảo phân chia chính xác các khoản thu giữa các cấp ngân sách.

- Thực hiện nghiêm túc công tác đối chiếu số dư dự toán, số dư tài khoản tiền gửi với các đơn vị có liên quan.

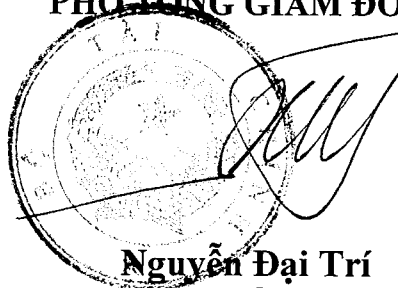
Thủ trưởng CQTC và KBNN các cấp có trách nhiệm nghiên cứu nội dung hướng dẫn trên đây và các văn bản khác quy định chế độ khóa sổ quyết toán NSNN đã ban hành để triển khai, tổ chức thực hiện khóa sổ và quyết toán ngân sách năm 2013 đảm bảo an toàn và chính xác, chịu trách nhiệm phổ biến nội dung đến các đơn vị, cá nhân có liên quan về công tác khóa sổ và quyết toán ngân sách năm 2013. Trường hợp có vướng mắc trong công tác phối hợp để đảm bảo thực hiện khóa sổ theo đúng quy trình nghiệp vụ, cần trao đổi, thống nhất giữa CQTC và KBNN để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Ban triển khai TABMIS) để nghiên cứu, thống nhất giải quyết./ *ch*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Ban triển khai TABMIS;
- Ban QLDA cải cách QL TCC;
- Lưu: VT, KBNN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

A circular official stamp of the State Treasury is partially visible, overlaid with a large, stylized handwritten signature in black ink.

**Nguyễn Đại Trí
Phó trưởng ban triển khai TABMIS**

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU QUYẾT TOÁN 2013

(Kèm theo công văn số 17660/BTC-KBNN ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính)

STT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
1	01/ĐVDT	Số dư TK tiền gửi kinh phí NS cấp của đơn vị được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...
2	02A/ĐVDT	Báo cáo số dư dự toán, dự tạm ứng kinh phí thường xuyên ngân sách năm... đề nghị xét chuyển sang năm sau
3	02B/ĐVDT	Báo cáo số dư dự toán, dự tạm ứng kinh phí đầu tư XD CB ngân sách năm... đề nghị xét chuyển sang năm sau
4	03A/ĐVDT	Tình hình thực hiện dự toán kinh phí thường xuyên của các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển) của ngân sách TW (tỉnh, huyện) theo hình thức rút dự toán niên độ...
5	03B/ĐVDT	Tình hình thực hiện dự toán kinh phí đầu tư XD CB của các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển) của ngân sách TW (tỉnh, huyện) theo hình thức rút dự toán niên độ...
6	04/ĐVDT	Bảng xác nhận tình hình sử dụng vốn đầu tư XD CB tại KBNN niên độ ngân sách năm...
7	05/ĐC-TGKB	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN
8	06A/ĐC-TGNH	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng
9	06B/TH-TGNH	Bảng tổng hợp số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng năm...
10	07/ĐC-TTSPĐT	Báo cáo đối chiếu số liệu quyết toán song phương điện tử với Sở giao dịch KBNN
11	08A/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN – Giữa KBNN và KBNN tỉnh
12	08B/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN – Giữa tỉnh và KBNN huyện
13	09/BC-TGDT	Báo cáo tổng hợp tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...

Đơn vị:, Mã số:.....

Mã Chương:.....

Mã KBNN giao dịch:.....

Biểu số 01/BVDT

SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ

ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT) THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/CẤP HUYỆN)

Niên độ

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí thường xuyên				
	Kinh phí khoán, tự chủ				
	Kinh phí không tự chủ				
2	Kinh phí chương trình mục tiêu				
					

Ngày..... tháng.....năm.....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ tổng số tiền ở cột 6

ĐƠN VỊ....., MÃ SỐ.....

Biểu số 03A/ĐVDT

MÃ CHƯƠNG:
MÃ KBNN GIAO DỊCH:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM

SAU (KHÔNG PHẢI XÉT CHUYỂN)

CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN

NHIÊN ĐỘ ...

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tình chất nguồn kinh phí	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Số dư cam kết chi
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
A/ 1 a) b) 2	CHI THƯỜNG XUYỀN Kinh phí thường xuyên - Kinh phí khoán, tự chủ - Kinh phí không tự chủ Kinh phí chương trình mục tiêu										

Ngày ... tháng ... năm

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHỦ ĐẦU TƯ....., MÃ SỐ:.....
MÃ CHƯƠNG:.....
MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU
(KHÔNG PHẢI XÉT CHUYỂN)

Biểu số 03B/ĐVDT

CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN
NIÊN ĐỘ ...

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh		Số dư toàn	Số dư tạm ứng	Số dư cam kết chi
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
1	DỰ ÁN A	Nguồn vốn tập trung trong nước Các nguồn vốn									
2											
3	DỰ ÁN B										
											

Đơn vị: Đồng

Ngày ... tháng ... năm

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
Bộ phận kiểm soát chi

Giám đốc

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....
Mã số:.....
Số hiệu tài khoản:.....

Biểu số 05/ĐC-TGKB

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KBNN

Tháng..... năm 20....

Đơn vị: đồng			
Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch
Số dư đầu kỳ			Nguyên nhân
Phát sinh tăng trong kỳ			
Phát sinh giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ			

....., ngày.....tháng.....năm 200..

....., ngày.....tháng.....năm 200..

Xác nhận của Kho bạc Nhà nước

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG

Tháng..... năm 200.....

Kho bạc Nhà nước..... Địa chỉ.....

Đề nghị Ngân hàng..... xác nhận số liệu các tài khoản tiền gửi của KBNN..... tại Ngân hàng theo nội dung chi tiết sau:

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại KBNN	Số liệu tại NH	Chênh lệch	Nguyên nhân
1. Số hiệu TK.....				
Số dư đầu kỳ				
Phát sinh tăng trong kỳ				
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ				
2. Số hiệu TK:.....				
.....				

....., ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của Ngân hàng

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

Kho bạc Nhà nước.....

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KBNN:.....

Biểu số 06B/TH-TGNH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
Năm

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên đơn vị	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ	Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
				Nợ	Có	
I	Tại NH Nhà nước					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
II	Tại NH Thương mại NH					
	1 Ngân hàng Nno&PTNT					
	KBNN					
	KBNN					
2	Ngân hàng Công thương					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
3	Ngân hàng đầu tư PT					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
4	Ngân hàng Ngoại thương					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
	Tổng cộng					

Ghi chú: (Giải thích chênh lệch, các vấn đề liên quan)

....., ngày, tháng, năm
Lập biểu
Kế toán trưởng
Giám đốc KBNN

**BÁO CÁO ĐÓI CHIẾU SỔ LIỆU QUYẾT TOÁN SONG PHƯƠNG ĐIỆN TỬ
VỚI SỔ GIAO DỊCH KBNN**

Từ ngày đến ngày 31/12/2013

STT	Đơn vị	Tổng số tiền quyết toán thu (1)	Tổng số tiền quyết toán chi (2)	Số đã tất toán TK thu hộ, chi hộ về SGD KBNN		Số dư còn lại TK thu hộ, chi hộ (5)	Ghi chú (6)
				Báo Nợ (3)	Báo Có (4)		
Ngân hàng Công thương							
1	KBNN huyện ...						
2	KBNN huyện ...						
							
Ngân hàng Dầu tư							
1	KBNN huyện ...						
2	KBNN huyện ...						
							

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2014

Giám đốc

Ghi chú:

Trong đó:

Thời gian từ ngày: Ngày triển khai thanh toán song phương điện tử (TTSPDT) đến hết ngày 31/12/2013

(1) + (4) – (2) – (3) = (5) hoặc (2) + (3) – (1) – (4) = (5)

Hết ngày 31/12/2013, số dư tài khoản thu hộ chi hộ TTSPĐT (chỉ tiêu 5) bằng 0, trường hợp còn số dư phải có ý kiến của KBNN.

Các chỉ tiêu:

- (1): Tổng số tiền các Lệnh quyết toán thu về SGD KBNN hàng ngày đã thực hạch toán TABMIS tại đơn vị Kho bạc.
- (2): Tổng số tiền các Lệnh quyết toán chi về SGD KBNN hàng ngày đã thực hạch toán TABMIS tại đơn vị Kho bạc.
- (3): Tổng số tiền Liên kho bạc báo Nợ hàng tháng tất toán tài khoản thu hộ chi hộ TTSPĐT về SGD KBNN.
- (4): Tổng số tiền Liên kho bạc báo Có hàng tháng tất toán tài khoản thu hộ chi hộ TTSPĐT về SGD KBNN.
- (5): Số dư tài khoản thu hộ chi hộ TTSPĐT hết ngày 31/12/2013 (nếu có).
- (6): Ghi chú: Các nội dung cần giải trình thêm (nếu có).

KBNN:.....

Biểu số 08A/ĐC-QTV

Ngày lập:.....

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM
VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**

Giữa Kho bạc Nhà nước và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3814			3817				
3815			3818				
3862			3882				
3863			3883				
3865			3885				
3866			3886				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN và KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ.

KBNN:.....

Biểu số 08B/ĐC-QTV

Ngày lập:.....

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM
VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**

Giữa KBNN và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3862			3882				
3863			3883				
3865			3885				
3866			3886				
3825			3828				
3852			3872				
3853			3873				
3855			3875				
3856			3876				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN tỉnh và KBNN quận, huyện trực thuộc.

KBNN:.....

Biểu số 09/BC-TGDT

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP
ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT) THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/CẤP HUYỆN)**
Niên độ

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Chương	Loại, Khoản	Mức, Tiêu mục	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7
1	Kinh phí thường xuyên					
	Kinh phí khoán, tự chủ					
	Kinh phí không tự chủ					
2	Kinh phí chương trình mục tiêu					
						

...., ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

